

Số: 4578/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 5/12 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020
huyện Định Quán

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Định Quán, Tờ trình số 1440/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Định Quán với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Số lượng dự án, công trình thực hiện trong năm 2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)
1	Đất trồng cây lâu năm	3	22,11
2	Đất nông nghiệp khác	2	21,10
3	Đất quốc phòng	1	4,00
4	Đất an ninh	3	18,51
5	Đất cụm công nghiệp	1	48,33
6	Đất thương mại, dịch vụ	13	35,19

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)
7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5	3,98
8	Đất phát triển hạ tầng	62	210,20
	- Đất cơ sở văn hoá	5	4,72
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	21	15,95
	- Đất giao thông	15	130,53
	- Đất thủy lợi	12	54,26
	- Đất công trình năng lượng	3	2,63
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2	0,09
	- Đất chợ	4	2,02
9	Đất danh lam thắng cảnh	1	9,8
10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	13	10,66
11	Đất ở tại nông thôn	13	11,03
12	Đất ở tại đô thị	7	31,00
13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	10	6,79
14	Đất cơ sở tôn giáo	27	17,19
15	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3	14,3
16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	1	0,8
17	Đất sinh hoạt cộng đồng	100	9,09
18	Đất có mặt nước chuyên dùng	2	260,5
Tổng		267	734,58

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục 01; vị trí cụ thể các công trình được thể hiện trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Định Quán được Ủy ban nhân dân huyện Định Quán ký xác nhận ngày 27 tháng 12 năm 2019).

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 của hộ gia đình, cá nhân

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm là 25 ha, trong đó chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở là 03 ha.
- Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác là 145 ha, trong đó chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 05 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất cây lâu năm: 15 ha.
- Chuyển từ đất trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản: 4,30 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản: 15 ha.

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở: 16,60 ha.
- Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở: 09 ha.
- Chuyển từ đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp không phải rừng: 10ha.
- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng tại xã Phú Túc: 03 ha.

3. Số lượng dự án cần thu hồi đất năm 2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất quốc phòng	1	4,00	4,00
2	Đất an ninh	3	18,51	18,37
3	Đất cụm công nghiệp	1	48,33	48,33
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1	0,12	0,12
5	Đất phát triển hạ tầng	55	206,59	139,66
	- Đất cơ sở văn hoá	3	3,94	3,41
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	20	13,95	8,52
	- Đất giao thông	15	130,53	88,33
	- Đất thủy lợi	11	53,96	35,93
	- Đất công trình năng lượng	2	2,19	2,19
	- Đất chợ	4	2,02	1,28
6	Đất danh lam thắng cảnh	1	9,80	9,75
7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	13	10,66	8,16
8	Đất ở tại nông thôn	8	6,59	6,59
9	Đất ở tại đô thị	7	31,00	31,00
10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	6,25	5,68
11	Đất cơ sở tôn giáo	18	9,98	7,63
12	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2	12,40	8,40
13	Đất sinh hoạt cộng đồng	99	9,06	8,42
14	Đất có mặt nước chuyên dùng	2	260,50	260,50
Tổng		218	633,79	556,62

4. Số lượng dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2020

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)	Trong đó sử dụng vào:		
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Đất nông nghiệp khác	1	12,23	6,47	-	-
2	Đất cụm công nghiệp	1	48,33	0,51	-	-
3	Đất phát triển hạ tầng	22	165,36	22,18	1,67	0,49
	- Đất cơ sở văn hoá	2	2,91	1,40	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	6	5,47	1,84	-	-
	- Đất giao thông	7	109,25	6,35	1,67	0,49
	- Đất thủy lợi	5	45,78	12,15	-	-
	- Đất công trình năng lượng	2	1,95	0,44	-	-
4	Đất danh lam thắng cảnh	1	9,80	0,02	-	-
5	Đất ở tại đô thị	4	30,45	21,47	-	-
6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2	5,32	2,58	-	-
7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1	10,00	0,16	-	-
8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	1	0,80	-	0,31	-
9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6	0,64	0,33	-	-
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	1	174,00	23,62	-	7,66
Tổng		40	456,93	77,34	1,98	8,15

5. Dự án hủy bỏ trong kế hoạch sử dụng đất 2020

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)
1	Đất thương mại, dịch vụ	1	0,3
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3	12,19
3	Đất phát triển hạ tầng	2	130,7
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1	0,54
	- Đất giao thông	1	130,16
4	Đất ở tại nông thôn	13	0,63
5	Đất ở tại đô thị	6	0,16
6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	1	46
7	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1	0,2
Tổng		27	190,18

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục 02)

6. Chỉ tiêu diện tích các loại đất năm 2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	74.596,60
1.1	Đất trồng lúa	4.095,25
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.313,54
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.688,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	31.633,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	15.350,32
1.5	Đất rừng sản xuất	18.100,64
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	530,49
1.7	Đất nông nghiệp khác	197,94
2	Đất phi nông nghiệp	22.534,34
2.1	Đất quốc phòng	4,00
2.2	Đất an ninh	25,72
2.3	Đất khu công nghiệp	56,76
2.4	Đất cụm công nghiệp	91,11
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	60,77
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	91,14
2.7	Đất phát triển hạ tầng	1.663,71
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất cơ sở văn hoá	18,24
	- Đất cơ sở y tế	6,87
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	88,48
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	13,90
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	4,24
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	9,85
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	17,62
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.156,13
2.12	Đất ở tại đô thị	109,89
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	19,64
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	4,21
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	68,05
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	74,22
2.17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	8,30
2.18	Đất sinh hoạt cộng đồng	10,04
2.19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	7,34

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
2.20	Đất cơ sở tín ngưỡng	4,36
2.21	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.194,10
2.22	Đất có mặt nước chuyên dùng	17.853,14
3	Đất chưa sử dụng	4,47

7. Kế hoạch thu hồi đất năm 2020

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	517,23
1.1	Đất trồng lúa	70,43
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	35,85
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	53,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	284,36
1.4	Đất rừng phòng hộ	1,70
1.5	Đất rừng đặc dụng	8,15
1.6	Đất rừng sản xuất	92,01
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	6,69
2	Đất phi nông nghiệp	39,69
2.1	Đất quốc phòng	4,59
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	0,08
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,74
2.4	Đất phát triển hạ tầng	11,02
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất cơ sở văn hoá	0,55
	- Đất cơ sở y tế	0,25
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1,77
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,47
	- Đất giao thông	5,22
	- Đất thủy lợi	2,41
	- Đất chợ	0,35
2.5	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,60
2.6	Đất ở tại nông thôn	10,26
2.7	Đất ở tại đô thị	2,72
2.8	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,24
2.9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,01
2.10	Đất cơ sở tôn giáo	0,60

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	0,97
2.12	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,06
2.13	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	6,80
3	Đất chưa sử dụng	0,02

8. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020

TT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	596,89
1.1	Đất trồng lúa	82,90
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	37,68
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	1,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	420,87
1.4	Đất rừng phòng hộ	2,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	8,15
1.6	Đất rừng sản xuất	79,45
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	2,07
1.8	Đất nông nghiệp khác	0,01
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	43,00
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	15,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	3,00
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	15,00
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	10,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	1,78

9. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2020

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất phi nông nghiệp	0,02
1.1	Đất an ninh	0,02

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Định Quán có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, có trách nhiệm chỉ đạo, lập kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đã được ghi trong kế hoạch sử dụng đất và chỉ đạo rà soát, kịp thời xử lý những dự án đã được ghi trong kế hoạch sử dụng đất nhưng chậm triển khai.

4. Đối với các dự án đã ghi trong kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm đã được điều chỉnh thời gian thực hiện sang năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Định Quán có trách nhiệm rà soát tiến độ thực hiện, phân nhóm các trường hợp cụ thể (chưa thực hiện, đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục, đang thực hiện thủ tục dở dang, ...). Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện Định Quán có trách nhiệm lập kế hoạch, có biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành các thủ tục pháp lý của các dự án này trong năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông và Vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền Thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Định Quán; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tỉnh ủy (báo cáo);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Hội đồng nhân dân huyện Định Quán;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh



Phụ lục 01

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020
HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

(Kèm theo Quyết định số 4378/QĐ-UBND ngày 51/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
	A. Công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019		
	1. Đất quốc phòng		
1	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Phú Vinh	4,00
	2. Đất an ninh		
2	Trụ sở Công an thị trấn Định Quán mở rộng	TT.Định Quán	0,41
3	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh vệ khu vực phía Nam	Thanh Sơn	17,10
4	Trụ sở làm việc đồn Công an khu vực trọng điểm về an ninh, trật tự	Phú Túc	1,00
	3. Đất cụm công nghiệp		
5	Cụm công nghiệp Phú Túc	Phú Túc	48,33
	4. Đất thương mại dịch vụ		
6	Khu nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Phú Cường	Phú Cường	19,20
7	Khu du lịch sinh thái Thác Ba Giọt	Phú Vinh	2,71
8	Bãi tập lái xe	Ngọc Định	1,35
9	Điểm du lịch sinh thái Bàu Nước Sôi	Gia Canh	5,67
10	Điểm du lịch sinh thái Thác Mai	Gia Canh	2,94
11	Điểm trưng bày sản phẩm ca cao	Phú Hòa	0,40
12	Quỹ tín dụng nhân dân Tín Nghĩa	Túc Trung	0,04
13	Trạm dừng chân La Ngà	La Ngà	1,00
14	Trạm xăng dầu Định Quán (mở rộng)	TT.Định Quán	0,08
15	Trạm xăng dầu (tại khu vực Lâm trường 2)	Thanh Sơn	0,14
	5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
16	Điểm giết mổ tập trung tại Ngọc Định	Ngọc Định	1,00
	6. Đất phát triển hạ tầng		
	6.1. Đất xây dựng cơ sở văn hóa		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
17	Nhà cộng đồng dân tộc Mường	Phú Túc	0,47
18	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	0,97
19	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Phú Lợi	Phú Lợi	0,41
20	Trung tâm VH-TT, HTCD xã Ngọc Định	Ngọc Định	2,50
21	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Suối Nho	Suối Nho	0,37
	6.2. Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo		
22	Trường Tiểu học Phù Đồng	Phú Cường	1,30
23	Trường MN Bé Ngoan điểm ấp Mít Nài (mở rộng)	La Ngà	0,37
24	Trường THCS Nguyễn Trãi	Phú Cường	1,24
25	Trường MN Ngọc Lan ấp Hòa Thành (mở rộng)	Ngọc Định	0,64
26	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	Phú Hòa	0,80
27	Trường TH Võ Thị Sáu ấp 5 (mở rộng)	Suối Nho	1,17
28	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (mở rộng)	La Ngà	0,62
29	Trường TH La Ngà	La Ngà	1,10
30	Trường MN Ngọc Lan (mở rộng trụ sở chính)	Ngọc Định	0,48
31	Trường MN Phú Hòa ấp 3	Phú Hòa	0,40
32	Trường TH Phú Tân (điểm ấp 1)	Phú Tân	0,47
33	Trường MN Hướng Dương ấp 3	Thanh Sơn	0,50
34	Trường MN Sen Hồng ấp 6	Suối Nho	0,33
35	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Suối Nho	0,15
36	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 1)	Thanh Sơn	1,40
37	Trường TH Suối Nho (mở rộng)	Suối Nho	1,01
38	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	TT.Định Quán	1,10
39	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	TT.Định Quán	1,32
40	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Thanh Sơn	1,10
	6.3. Đất giao thông		
41	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	Phú Túc	1,30
42	Nâng cấp, mở rộng đường DT-763 đoạn từ km0+000 đến km29+500	Phú Túc, Suối Nho	27,61

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
43	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	TT.Định Quán	0,40
44	Cầu Suối Cạn	Thanh Sơn	0,20
45	Đường vào khu dân cư ấp 3 (đường và khu tái định cư xã Phú Lợi)	Phú Lợi	2,10
46	Đường 11B	Túc Trưng	0,07
47	Đường Cách Mạng Tháng 8	TT.Định Quán	2,61
48	Đường Cao Cang đoạn 3	Gia Canh	47,04
49	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Phú Túc	9,00
50	Cầu Thanh Sơn	Thanh Sơn, Ngọc Định	4,75
51	Đường Tà Lài - Trà Cỏ	Phú Hòa, Gia Canh	5,74
52	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Gia Canh	19,26
53	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	TT.Định Quán	4,45
	6.4. Đất thủy lợi		
54	Trạm bơm ấp 1 Thanh Sơn và hệ thống kênh	Thanh Sơn	6,40
55	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	11,50
56	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Phú Tân	0,25
57	Trạm bơm ấp 7 và kênh tưới Phú Tân	Phú Tân	4,00
58	Kênh tiêu thoát nước cánh đồng Bàu Kiên	Thanh Sơn	25,00
59	Hệ thống cấp nước sinh hoạt	Suối Nho	0,10
60	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	Ngọc Định	0,68
61	Trạm bơm Ba Giọt và mở rộng hệ thống kênh tưới	Phú Vinh	5,00
62	Hệ thống cấp nước tập trung Nam Thị trấn Định Quán	TT.Định Quán	0,55
63	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung tại ấp Bến Nôm 2	Phú Cường	0,30
64	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Điền	Phú Hòa	0,20
	6.5. Đất bưu chính viễn thông		
65	Trung tâm viễn thông Viettel cấp huyện	TT.Định Quán	0,04
	6.6. Đất chợ		
66	Chợ Phú Túc	Phú Túc	0,34

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
67	Chợ Suối Nho	Suối Nho	0,48
68	Chợ Túc Trung	Túc Trung	1,00
69	Chợ Phú Vinh	Phú Vinh	0,20
	6.7. Đất năng lượng		
70	Đường dây điện 500kV Vĩnh Tân - rẽ nhánh Sông Mỹ - Tân Uyên	Phú Túc, Suối Nho	0,44
71	Trạm BA 110 kV Định Quán 2 và đường dây đấu nối	La Ngà	0,68
72	Đường dây 110 kV một mạch Định Quán 2 - Vĩnh An	La Ngà, Túc Trung, Phú Cường	1,51
	7. Đất danh lam thắng cảnh		
73	Di tích danh thắng đá Ba Chông	TT.Định Quán	9,80
	8. Đất ở tại đô thị		
74	Khu tái định cư 3	TT.Định Quán	9,75
75	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	TT.Định Quán	19,68
76	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	TT.Định Quán	1,00
77	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	TT.Định Quán	0,52
	9. Đất ở tại nông thôn		
78	Khu tái định cư phố chợ Suối Nho	Suối Nho	0,07
79	Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ công nhân Cụm CN Phú Cường	Phú Cường	4,00
80	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Gia Canh	1,93
81	Đường và khu tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi	Phú Lợi	3,62
82	Khu tái định cư chợ Suối Nho	Suối Nho	0,24
	10. Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
83	Trụ sở công an xã Phú Vinh	Phú Vinh	0,20
84	Trụ sở công an xã	Thanh Sơn	0,22
85	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Túc Trung	Túc Trung	0,15
86	Trụ sở Ban CHQS xã	Ngọc Định	0,32
87	Trụ sở Công an xã	Suối Nho	0,23

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
88	Trụ sở kho bạc	TT.Định Quán	0,13
89	Trụ sở phòng giáo dục (xây mới)	TT.Định Quán	0,22
90	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Ngọc Định	5,00
91	Trụ sở công an xã Phú Cường	Phú Cường	0,20
92	Trụ sở Ban quản lý dự án huyện	TT.Định Quán	0,12
	11. Đất bãi thải, xử lý chất thải		
93	Nhà máy xử lý rác sinh hoạt (mở rộng)	Túc Trung	9,50
94	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Phú Hòa	0,60
95	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Túc Trung	0,06
96	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Ngọc Định	0,05
97	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Phú Cường	0,05
98	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Phú Lợi	0,05
99	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Phú Ngọc	0,05
100	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Suối Nho	0,05
101	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	La Ngà	0,05
102	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 1	Thanh Sơn	0,05
103	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 3	Gia Canh	0,05
104	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 7	Thanh Sơn	0,05
105	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 9	Gia Canh	0,05
	12. Đất tôn giáo, tín ngưỡng		
106	Chùa Tịnh Quang	Ngọc Định	0,40
107	Chùa Pháp Độ	Phú Túc	0,76
108	Chùa Từ Thiện (mở rộng)	Túc Trung	0,17
109	Chùa Trúc Lâm	Phú Cường	1,25
110	Giáo xứ Phú Dông	Phú Cường	1,02
111	Chi hội Tin Lành Phú Tân	Phú Tân	0,10
112	Chùa Huyền Quang	La Ngà	0,31
113	Chùa Phước Lộc	Ngọc Định	1,14

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
114	Thiền viện Trúc Lâm Chân pháp (mở rộng)	Phú Vinh	2,96
115	Giáo xứ Xuân Kiên	Thanh Sơn	0,47
116	Chi hội Tin Lành Túc Trung	Túc Trung	0,30
117	Chùa Từ Phổ	Gia Canh	0,25
118	Phước Nghiêm Bửu Tự	La Ngà	0,12
119	Tịnh xá Đa Bảo	La Ngà	0,12
120	Giáo xứ Hiệp Nhất	Phú Cường	0,38
121	Giáo xứ La Ngà	Phú Ngọc	1,83
122	Dòng Thánh gia	Phú Túc	2,29
123	Giáo xứ Xuân Trường	Thanh Sơn	0,69
124	Giáo xứ Tam Phú	Túc Trung	0,30
125	Tu viện Thánh Gioan Granda	Suối Nho	0,45
126	Tịnh xá Bửu Sơn	Ngọc Định	1,25
127	Thiền tự Châu Nguyên	Phú Ngọc	0,02
128	Tịnh thất Linh Ứng	Phú Ngọc	0,01
129	Tịnh thất Lộc Huệ	Phú Ngọc	0,02
130	Tịnh xá Ngọc Hiệp	TT.Định Quán	0,35
131	Tu hội Nữ tử Bác Ái Vinh sơn	TT.Định Quán	0,19
	13. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa		
132	Nghĩa trang xã Phú Ngọc	Phú Ngọc	10,00
133	Nghĩa trang Thanh Sơn	Thanh Sơn	2,40
134	Mở rộng nghĩa địa chùa Pháp Quang	Phú Ngọc	1,90
135	Mỏ đá Gia Canh - (ĐQ.Đ2-3)	Gia Canh	0,80
	14. Đất sinh hoạt cộng đồng		
136	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Ngọc Định	0,03
137	Nhà văn hóa ấp Hòa Thành	Ngọc Định	0,10
138	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 2	Phú Lợi	0,08
139	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	Phú Lợi	0,10

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
140	Nhà văn hóa ấp 1	Phú Ngọc	0,05
141	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 2	Gia Canh	0,05
142	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Gia Canh	0,07
143	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao 2/97	La Ngà	0,37
144	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	La Ngà	0,25
145	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Mít Nài	La Ngà	0,07
146	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Quý 1	La Ngà	0,19
147	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Hòa Thuận	Ngọc Định	0,07
148	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Bến Nôm 1	Phú Cường	0,18
149	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Bến Nôm 2	Phú Cường	0,07
150	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Tam Bung	Phú Cường	0,07
151	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Phú Hòa	0,10
152	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Phú Hòa	0,10
153	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	Phú Lợi	0,05
154	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Phú Lợi	0,16
155	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Phú Ngọc	0,08
156	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Phú Tân	0,06
157	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Phú Tân	0,18
158	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 7	Phú Tân	0,06
159	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 2	Phú Tân	0,05
160	Nhà văn hóa ấp 3	Phú Tân	0,04
161	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Phú Tân	0,07
162	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Phú Tân	0,05
163	Nhà văn hóa ấp Chợ	Phú Túc	0,04
164	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Sơn	Phú Túc	0,30
165	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao Tam Bung	Phú Túc	0,05
166	Nhà văn hóa ấp Thái Hòa 1	Phú Túc	0,03
167	Nhà văn hóa ấp Thái Hòa 2	Phú Túc	0,03
168	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	Phú Vinh	0,09
169	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	Suối Nho	0,06

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
170	Nhà văn hóa ấp 2	Suối Nho	0,03
171	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Suối Nho	0,04
172	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 94	Túc Trung	0,36
173	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Đồn Điền 3	Túc Trung	0,15
174	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Đồng Xoài	Túc Trung	0,07
175	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Đức Thắng 2	Túc Trung	0,12
176	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Hòa Bình	Túc Trung	0,10
177	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Dzui	Túc Trung	0,03
178	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Đồn Điền 1	Túc Trung	0,04
179	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Đức Thắng 1	Túc Trung	0,05
180	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	Gia Canh	0,05
181	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 2	Phú Vinh	0,10
182	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Soong 1	Phú Vinh	0,10
183	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Soong 2	Phú Vinh	0,20
184	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Ba Tầng	Phú Vinh	0,10
185	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Gia Canh	0,05
186	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 10	Gia Canh	0,11
187	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	Gia Canh	0,05
188	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Gia Canh	0,06
189	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 7	Gia Canh	0,18
190	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Gia Canh	0,05
191	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 9	Gia Canh	0,10
192	Nhà văn hóa ấp 1	La Ngà	0,03
193	Nhà văn hóa ấp Bằng Lăng	La Ngà	0,04
194	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Vĩnh An	La Ngà	0,09
195	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Trung	Ngọc Định	0,05
196	Nhà văn hóa ấp Hòa Hiệp	Ngọc Định	0,03
197	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Dông	Phú Cường	0,08
198	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Tân	Phú Cường	0,06
199	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Tâm	Phú Cường	0,04

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
200	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Thọ	Phú Cường	0,03
201	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thống Nhất	Phú Cường	0,03
202	Nhà văn hóa ấp 2	Phú Hòa	0,03
203	Nhà văn hóa ấp 3	Phú Hòa	0,03
204	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Phú Lợi	0,05
205	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Phú Ngọc	0,03
206	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 2	Phú Ngọc	0,05
207	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Cầu Ván	Phú Túc	0,06
208	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Cây Xăng	Phú Túc	0,14
209	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Bình Hòa	Phú Túc	0,05
210	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Rút	Phú Túc	0,07
211	Nhà văn hóa ấp Tân Lập	Phú Túc	0,03
212	Nhà văn hóa ấp 4	Phú Vinh	0,05
213	Nhà văn hóa ấp 1	Phú Vinh	0,02
214	Nhà văn hóa ấp 5	Phú Vinh	0,03
215	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	Suối Nho	0,07
216	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Suối Nho	0,05
217	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Chợ	Suối Nho	0,05
218	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Thương	TT.Định Quán	0,03
219	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Tâm 2	TT.Định Quán	0,06
220	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Lợi	TT.Định Quán	0,15
221	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Lực	TT.Định Quán	0,03
222	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Đồng	TT.Định Quán	0,10
223	Nhà văn hóa ấp 3	Thanh Sơn	0,03
224	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Thanh Sơn	0,10
225	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 2	Thanh Sơn	0,24
226	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Thanh Sơn	0,28
227	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	Thanh Sơn	0,21
228	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Thanh Sơn	0,54

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
229	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 7	Thanh Sơn	0,20
230	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Thanh Sơn	0,20
231	Nhà văn hóa ấp 5	Phú Ngọc	0,05
232	Nhà văn hóa ấp 3	Phú Ngọc	0,03
233	Nhà văn hóa Khu phố Hiệp Cường	TT.Định Quán	0,02
234	Nhà văn hóa Khu phố Hiệp Nhất	TT.Định Quán	0,02
235	Nhà văn hóa Khu phố 114	TT.Định Quán	0,02
	15. Đất mặt nước chuyên dùng		
236	Hồ chứa nước Cà Ròn	Gia Canh	174,00
237	Hồ Thanh Sơn	Thanh Sơn	86,50
	16. Dự án đưa vào kế hoạch để thực hiện đấu giá của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai		
238	Khu đất trạm y tế xã Ngọc Định cũ (Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 59 xã Ngọc Định, huyện Định Quán)	Ngọc Định	0,31
	17. Các dự án đưa vào kế hoạch để thu hồi giao Trung tâm phát triển quỹ đất		
239	Thửa đất số 556A tờ bản đồ số 14 thị trấn Định Quán (Trung tâm thương mại dịch vụ tại công viên 17/3)	TT.Định Quán	0,60
240	Thửa đất 246 tờ 56 (Khu đất trường Mạc Đĩnh Chi cũ ấp Đồn Điền 1)	Túc Trung	0,05
241	Thửa đất 338 tờ bản đồ số 55 (Hội trường UBND xã Túc Trung cũ)	Túc Trung	0,05
242	Thu hồi đất của ông Trần Văn Chi	TT.Định Quán	0,02
243	Khu đất tại ấp 3	Phú Vinh	0,04
244	Khu đất đường đi giáp cây xăng 114 (cũ) (KP Hiệp Tâm 2)	TT.Định Quán	0,02
245	Lô đất giáp khu đất làm đường tại ấp Bến Nôm 1	Phú Cường	0,10
246	Khu đất văn phòng ấp 5	Phú Ngọc	0,02
247	Khu đất văn phòng ấp Phú Tân	Phú Cường	0,01
248	Khu đất tờ 48 thửa 70a cho ông Huỳnh Trung Dũng thuê tại ấp 5, xã Phú Vinh vào mục đích SKC	Phú Vinh	0,12
249	Khu đất thu hồi của ông Hồ Say Sương (tờ 4 thửa 41)	TT.Định Quán	0,01

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
250	32 lô đất khu tái định cư ấp 3	La Ngà	0,63
	18. Công trình giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất dự án		
251	Đầu giá khu đất công trồng cao su tại xã Túc Trung	Túc Trung	5,61
252	Giao đất cho bà Đường Quốc Bội	Phú Tân	0,05
253	Giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình cá nhân khu nhận bàn giao	Gia Canh	8,00
254	Giao đất cho các hộ bị ảnh hưởng bởi hoạt động của dự án nhà máy xử lý rác Định Quán	La Ngà	0,27
255	Xưởng sơ chế hạt Điều Phúc Lợi	Phú Cường	0,31
256	Xưởng sơ chế hạt Điều Nhân Hòa Phát	Túc Trung	1,15
257	Chuyển mục đích Công ty TNHH TM-SX Thuận Hương	Phú Túc	1,40
258	Di dời các hộ dân ra khỏi vùng sạt lở đồi 112	TT.Định Quán	8,50
	19. Dự án trong vùng phát triển chăn nuôi		
259	Trang trại chăn nuôi (Công ty TNHH MTV Nguyên Toàn Tâm Hai)	Phú Hòa	12,23
	B. Công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất trong năm 2020		
	1. Đất phát triển hạ tầng		
	1.1. Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo		
260	Trường Mầm Non Hoa Cúc (điểm ấp 7)	Phú Tân	0,25
261	Trường MN Phú Vinh (Mở rộng)	Phú Vinh	0,20
	1.2. Đất giao thông		
262	Đường ven sông Đồng Nai	Phú Tân, Phú Vinh	3,00
263	Đường cầu Suối Rắc	Túc Trung	3,00
	1.3. Đất thủy lợi		
264	Đập dâng Cần Đu 2	Phú Túc	0,28
	2. Đất xây dựng cơ sở tôn giáo		
265	Giáo xứ Đức Thắng	Túc Trung	0,04
	3. Dự án đưa vào kế hoạch để thu hồi giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý		
266	Khu đất thương mại dịch vụ (Các thửa đất số 86, 88, 89 tờ bản đồ số 5 và một phần đất giao thông tờ 5)	Phú Vinh	0,75

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
	4. Công trình giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất dự án		
267	Trang trại chăn nuôi vịt tại xã Phú Ngọc của Công ty TNHH Nông nghiệp Bình An Phát	Phú Ngọc	8,87
	C. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2019		
1	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm của các xã, thị trấn	Các xã, thị trấn	25,00
	<i>Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm</i>	Các xã, thị trấn	3,00
2	Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác (trong vùng khuyến khích chăn nuôi của các xã) cho toàn huyện	Các xã, thị trấn	145,00
	<i>Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (trong vùng khuyến khích chăn nuôi của các xã)</i>	Các xã, thị trấn	5,00
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm các xã	Các xã, thị trấn	15,00
4	Chuyển từ đất trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản	Các xã, thị trấn	4,30
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản	Các xã, thị trấn	15,00
6	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Các xã, thị trấn	16,60
7	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Các xã, thị trấn	9,00
8	Chuyển từ đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	Các xã, thị trấn	10,00
9	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	Phú túc	3,00



Phụ lục 02

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ HỦY KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 4378/QĐ-UBND ngày 5/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch	Năm Kế hoạch	Ghi chú
1	Khu vui chơi, giải trí (mở rộng)	Túc Trưng	0,20	2018	Dự án chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
2	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 2)	Thanh Sơn	0,54	2018	Dự án chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
3	Công ty May Đồng Nai (mở rộng)	Phú Lợi	5,98	2018	Dự án chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
4	Làng nghề mây tre đan Gia Canh (sản xuất hàng mây, tre đan và sản phẩm đan lát tết bện thủ công)	Gia Canh	2,64	2017	Dự án chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
5	Trạm xăng dầu của Cty xăng dầu Đồng Nai (mở rộng)	Phú Túc	0,30	2018	Dự án chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
6	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Phú Ngọc, Ngọc Định, Thanh Sơn	130,16	2017	Quy hoạch GTVT được duyệt giai đoạn thực hiện 2021-2025, do đó đề nghị bỏ ra khỏi danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2020
7	Mở rộng mỏ đá xây dựng Gia Canh Gia Canh - (ĐQ.Đ1-2)	Gia Canh	46,00	2017	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
8	Khu đất ấp Mít Nài, xã La Ngà	La Ngà	0,01	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
9	Khu đất làm trường mẫu giáo tại ấp 1	La Ngà	0,02	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
10	Khu đất ấp Vĩnh An, xã La Ngà	La Ngà	0,02	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
11	Khu đất ấp 3, xã La Ngà	La Ngà	0,02	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
12	Khu đất phân hiệu y tế tại ấp 5	La Ngà	0,05	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
13	Khu đất ấp 5, xã La Ngà	La Ngà	0,01	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
14	Thu hồi đất của ông Phạm Văn Hiếu	TT.Định Quán	0,02	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
15	Thu hồi đất của ông Trần Quang Thái	TT.Định Quán	0,02	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
16	Khu đất ấp 4 (đối diện nghĩa địa Cao Lập Thắng)	Gia Canh	0,07	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
17	Khu đất vườn tại ấp 1 (đất ông Bích thuê)	Phú Hòa	0,04	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch	Năm Kế hoạch	Ghi chú
18	Khu đất HTX (cũ) (Khu phố 114)	TT.Định Quán	0,02	2016	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
19	Khu đất thu hồi của ông Hai Văn TTĐQ	TT.Định Quán	0,03	2017	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
20	Khu đất điểm lẻ trường mầm non Tuổi Ngọc	TT.Định Quán	0,06	2018	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
21	Khu đất 7 ki ốt cho thuê	Phú Hòa	0,03	2018	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
22	Khu đất đội thuế cũ	Phú Hòa	0,04	2018	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
23	Thửa đất của bà Bùi Thị Thanh Nga (đọc đường số 16)	TT.Định Quán	0,01	2019	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
24	Khu đất bãi rác sau chợ Suối Nho (tờ 46 thửa 140)	Suối Nho	0,08	2019	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
25	Khu đất nông nghiệp tại ấp 5 (tờ 11 các thửa 52, 53a)	Suối Nho	3,57	2019	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
26	Khu đất UBND xã Túc Trung cũ	Túc Trung	0,20	2018	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020
27	Khu đất sau trung tâm thương mại - chợ La Ngà	La Ngà	0,04	2017	Chưa có nhu cầu thực hiện trong năm 2020